**BIỆN PHÁP MỞ RỘNG VỐN TỪ CHO HỌC SINH LỚP MỘT**

**TRONG CÁC BÀI LUYỆN TẬP TỔNG HỢP TIẾNG VIỆT**

**TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC LONG BIÊN**

**A. Lí do chọn biện pháp**

Đối với học sinh lớp Một, việc mở rộng vốn từ đóng một vai trò vô cùng quan trọng vì nó là công cụ sắc bén giúp các em học tập tốt môn Tiếng Việt và các môn học khác, đồng thời giúp các em phát triển ngôn ngữ. Tuy nhiên, học sinh lớp Một có vốn sống còn ít, tư duy còn mang tính trực quan hình ảnh, khả năng tập trung ghi nhớ chưa cao nên vốn từ ít, hạn chế việc phát triển ngôn ngữ của các em.

Bên cạnh đó, yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ của học sinh lớp Một trong dạy học Tiếng Việt ở cấp Tiểu học theo chương trình phổ thông 2018 là:

+ Học sinh đọc đúng với tốc độ phù hợp và đọc hiểu nội dung đơn giản của văn bản.

+ Học sinh viết đúng chính tả, từ vựng, ngữ pháp, đặt được một số câu, viết được đoạn văn ngắn.

Từ đây, chúng ta thấy những yêu cầu trong môn học tiếng Việt đối với HS lớp Một là ngày càng cao. Tuy nhiên với học sinh lớp Một, việc mở rộng vốn từ để qua đó bước đầu phát triển ngôn ngữ cho các em là một việc không hề dễ.

Từ những lí do trên, tôi đã lựa chọn biện pháp: ***“Mở rộng vốn từ cho học sinh lớp Một trong các bài luyện tập tổng hợp Tiếng Việt tại trường Tiểu học Long Biên”.***

**B. Nội dung biện pháp**

Theo kinh nghiệm của bản thân, tôi nhận thấy để giúp học sinh lớp Một đạt được tốt các yêu cầu trong môn học Tiếng Việt và phát triển được ngôn ngữ của mình thì cần cung cấp cho các em một số vốn từ tốt. Do đó khi dạy học Tiếng Việt cho học sinh lớp Một, tôi rất chú trọng đến hình thức dạy học để phát triển vốn từ cho các em.

Để tăng vốn từ cho các em trong các bài Luyện tập tổng hợp, tôi đã tổng hợp các hoạt động và dạng bài mà có thể mở rộng vốn từ. Theo tôi, trong các bài Luyện tập tổng hợp của bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” mà trường tôi đang sử dụng, có thể mở rộng vốn từ cho các em trong các phần và dạng bài tập sau:

- Dạng bài tập dạy vần (khó, ít dùng)

- Dạng bài tìm tiếng cùng vần với tiếng đã cho

- Dạng bài tập chọn từ ngữ để hoàn thiện câu

- Dạng bài tập tìm trong và ngoài bài tập đọc những từ ngữ có chứa vần

- Dạng bài tập tìm từ ngữ theo chủ đề

Để mở rộng vốn từ cho các em trong các dạng bài trên tôi thường thực hiện theo các hình thức sau:

**1. Sử dụng bộ đồ dùng Tiếng Việt kết hợp với kĩ thuật tia chớp để ghép tiếng, từ**

Hình thức này đã được tôi sử dụng xuyên suốt từ các bài dạy âm, vần ở trong cuốn sách Tiếng Việt 1 tập 1 cho đến các bài Luyện tập tổng hợp trong cuốn sách Tiếng Việt 1 tập 2 khi dạy dạng bài tập ***“Tìm tiếng cùng vần với mỗi tiếng sau”,*** dạng bài tập ***“Tìm từ ngữ có tiếng chứa vần khó, ít dùng”*.** Với những bài dạng này, nếu dạy theo cách truyền thống (Hỏi đáp hay gợi mở vấn đáp) thì tôi thấy không kích thích được sự hứng thú động não của các em, lại mất nhiều thời gian mà số lượng từ học sinh thu được ít. Sở dĩ tôi nói như vậy vì trong cùng thời gian là 1 phút, nếu giáo viên cứ hỏi - học sinh trả lời thì số lượng tiếng, từ cung cấp cho học sinh chỉ khoảng từ 4 đến 5 tiếng, từ. Nhưng nếu dùng bộ đồ dùng sẵn có thì trong thời gian 1 phút 100% học sinh của lớp sẽ ghép được số lượng tiếng, từ chứa vần theo yêu cầu được nhiều hơn. Ở các bài dạy âm, vần tôi mở rộng cho học sinh theo hướng từ vần ra tiếng, từ tiếng ra tiếng (thay đổi dấu thanh của 1 tiếng để tạo ra các tiếng khác) hoặc từ tiếng ra từ nhưng với các dạng bài tập***“Tìm tiếng cùng vần với mỗi tiếng sau”***,dạng bài tập ***“Tìm từ ngữ có tiếng chứa vần khó, ít dùng”*** trong các bài **Luyện tập tổng hợp**,tôi mở rộng ở mức độ cao hơn từ vần yêu cầu học sinh tạo ra tiếng, tiếng ra từ hoặc từ vần ra từ luôn, có từ tôi yêu cầu nói câu. Thời gian tôi dành cho phần này với mỗi bài chỉ khoảng 3 phút.

**Ví dụ 1**: Khi dạy bài 80: “Ôn tập và kể chuyện” (sách Tiếng Việt 1 tập 1), ở phần ôn các tiếng chứa vần **oan, oăn, oat, oăt, oai, uy, uê, uân, uât, uyên, uyêt,** tôi không đưa ra các từ trong sách giáo khoa mà yêu cầu các em suy nghĩ trong thời gian 1 phút và sử dụng bộ đồ dùng ghép 1 tiếng chứa 1 trong các vần đã cho. Với cách làm này, trong vòng 1 phút, tất cả học sinh đều hứng thú tập trung suy nghĩ và đều ghép được các tiếng chứa một trong các vần trên. Sau khi học sinh ghép được rất nhiều tiếng như: ngoan, toán, xoăn, khoăn, toát, thoát, loắt, hoắt, huy, tùy, tuấn, chuyện, khuyết…, tôi chọn 1 tiếng bất kì, yêu cầu học sinh thay đổi dấu thanh để tạo ra tiếng mới như thay thanh sắc ở tiếng “toán” để được tiếng khác thì học sinh đã tìm được thêm tiếng “toàn”, thay thanh nặng của tiếng “chuyện” để được tiếng mới thì học sinh lại tìm thêm được tiếng “chuyển, chuyền”. Có tiếng rồi tôi yêu cầu học sinh tìm các từ có chứa tiếng vừa tìm được như *“*T*iếng “chuyền” có trong từ nào?”*, học sinh tìm được nhiều từ như: chuyền cành, chuyền bóng, chuyền tay…

Với các bài dạy âm, vần, tôi dừng ở mức độ từ vần ra tiếng, tiếng ra từ, còn khi dạy vần trong các bài luyện tập tổng hợp thì mở rộng đã cao hơn, từ vần ra tiếng, tiếng ra từ, từ ra câu.

**Ví dụ 2:** Trong bài “***Làm anh***” (sách Tiếng Việt 1 tập 2 trang 28), khi dạy bài *“Tìm tiếng cùng vần với mỗi tiếng bánh, đẹp, vui”,* sau khi phân tích tiếng, học sinh nhận thấy: tiếng “bánh” có chứa vần “anh”, tiếng “đẹp” có chứa vần “ep”, tiếng “vui” có chứa vần “ui”. Sau đó, tôi yêu cầu học sinh trong thời gian 1 phút hãy sử dụng bộ đồ dùng ghép thật nhanh (nhanh như tia chớp) các tiếng chứa vần anh, ep, ui. Học sinh ghép được rất nhiều tiếng như (cành, nhanh, tạnh, dép, kẹp, khép, chép, cúi, núi, múi….). Khi các em tự mình ghép được các tiếng, tôi thấy các em không cần đánh vần mà đọc rất nhanh. Trên cơ sở tiếng các em vừa ghép được, tôi yêu cầu học sinh cũng trong thời gian 1 phút ghép thêm một tiếng để tạo ra các từ có nghĩa. Học sinh đã ghép rất nhanh các từ như (cành chanh, nhanh nhẹn, tạnh mưa, đôi dép, cái kẹp, khép cửa, chép bài, cúi đầu, đồi núi, múi cam…). Sau khi học sinh ghép xong từ, tôi yêu cầu một số gắn lên bảng cho học sinh đọc kết hợp giải nghĩa từ và yêu cầu học sinh nói câu với một số từ như: nói câu với từ “nhanh nhẹn”, học sinh nói được nhiều câu như “Bạn My rất nhanh nhẹn, bạn Lam đi rất nhanh nhẹn.”…

**Ví dụ 3:** Trong bài “Hoa yêu thương” (sách Tiếng Việt 1 tập 2 trang 50) khi dạy vần “oay” (đây là vần ít găp), ngoài tiếng “hoáy” có trong bài, tôi yêu cầu học sinh sử dụng bộ đồ dùng để ghép thêm tiếng có chứa vần “oay”. Với hình thức này, tôi thấy học sinh tìm được nhiều tiếng chứa vần “oay” như: “xoay, xoáy, loay, hoay, ngoáy, toáy, hoáy”. Trên cơ sở học sinh đã có tiếng tôi yêu cầu học sinh trả lời nhanh từ có tiếng vừa tìm được như “*Tiếng xoáy có trong từ nào?*”. Học sinh suy nghĩ và tìm được từ như “gió xoáy, lốc xoáy, nước xoáy” tương tự với tiếng “ngoáy” có từ “ viết ngoáy, nghí ngoáy, ngoáy tai”. Khi có rất nhiều từ rồi tôi yêu cầu học sinh nói câu với 1 trong các từ vừa tìm được. Học sinh nói được các câu: “Bạn Hải Nam hay viết ngoáy. Bạn Hưng loay hoay xếp hình.”

Qua các ví dụ, chúng ta có thể nhận thấy với hình thức trên, học sinh tích cực, chủ động trong học tập. Chỉ trong khoảng thời gian 2 đến 3 phút, học sinh đã biết được rất nhiều từ và nói được câu theo yêu cầu của giáo viên.

**2. Sử dụng ảnh chụp hay đoạn video ngắn tổ chức trò chơi “ Đuổi hình bắt chữ” để tìm ra từ**

Hình thức này thường được tôi sử dụng trong ***dạy vần khó, ít gặp*** như vần **oay, uyt, uyu, oanh, oong, ooc**, ……được lồng ghép trong các bài tập đọc để cung cấp thêm từ cho học sinh. Vì đây là những vần khó, ít gặp trong các văn bản đọc, mặt khác vốn từ trong cuộc sống của các em còn hạn chế, nên tôi sử dụng hình thức này để mở rộng vốn từ cho các em. So với hình thức “Sử dụng bộ đồ dùng Tiếng Việt” thì việc mở rộng vốn từ cho các em bằng cách sử dụng “ảnh chụp hay đoạn video ngắn” để giúp các em tìm ra từ đã ở mức độ yêu cầu cao hơn. Nếu như ở hình thức “Sử dụng bộ đồ dùng Tiếng Việt”, học sinh đã có vần cho sẵn để tìm ra tiếng rồi mới ra từ thì ở hình thức này học sinh phải căn cứ vào vần cho trước và tranh/video gợi ý để đưa ra từ luôn. Hình thức này đòi hỏi học sinh phải huy động vốn sống cùng với sự tập trung cao thì mới có thể tìm ra từ một cách chính xác.

**Ví dụ 1:** Khi dạy bài ***“Bữa cơm gia đình”***, ở phần dạy vần “oong”, tôi đã đưa ra các ảnh chụp cái xoong, boong tàu, cây cải xoong rồi tổ chức dưới dạng trò chơi *“Đuổi hình bắt chữ”* để học sinh quan sát và tìm ra từ có tiếng chứa vần oong. Học sinh phải tập trung huy động vốn sống của mình để tìm ra được các từ *“cải xoong, boong tàu, cái xoong, kính coong”.* Tuy nhiên đây toàn là những từ khó và ít gặp nên không phải học sinh nào cũng tìm ra được. Sau khi học sinh tìm được từ, tôi yêu cầu các em luyện đọc, qua đó học sinh sẽ nhớ được và hiểu nghĩa. Cuối cùng, tôi yêu cầu học sinh nói câu với các từ vừa tìm được. Học sinh nói các câu như: “Rau cải xoong ăn rất bổ.”, “Trên boong tàu có nhiều người.”, “Cái xoong dùng để nấu canh.”, “Chuông kêu kính coong.”

**Ví dụ 2:** Khi dạy bài ***“Tôi đi học”*** thuộc chủ đề *Mái trường mến yêu* (trang 45 sách Tiếng Việt 1 tập 2), ở dạng bài: ***“Tìm trong hoặc ngoài bài đọc từ ngữ có tiếng chứa vần ương, ươn, ươi, ươu”*,** sau khi yêu cầu học sinh tìm các từ, tôi nhận thấy số lượng từ chứa vần *ươu* mà các em tìm được còn hạn chế. Các em chỉ tìm được các từ: *hươu nai, sừng hươu, con hươu.* Nên tôi cung cấp thêm cho các em bằng cách đưa ra các hình ảnh chụp: con ốc bươu, phần cổ của người bị bướu cổ, con lạc đà có cái bướu, chai rượu, con chim khướu và tổ chức dưới hình thức trò chơi *“Đuổi hình bắt chữ”*. Dựa vào tranh, học sinh đã tìm được các từ *“bướu cổ, bướu lạc đà, cái bướu chim khướu, chai rượu*”. Sau khi học sinh tìm ra từ thì tôi đưa câu hỏi gợi ý để học sinh hiểu nghĩa của từ và nói câu. Trên cơ sở đó nói được câu đơn giản như: *Lạc đà có cái bướu trên lưng.*

Với cách làm đưa tranh/video dưới dạng trò chơi “Đuổi hình bắt chữ”, tôi thấy học sinh rất hứng thú, tích cực, tập trung suy nghĩ để tìm từ và việc phân hóa đối tượng ở đây là rất rõ. Chỉ có những học sinh có vốn sống, có trí thông minh, tập trung cao mới có thể tìm ra từ còn các học sinh khác được biết thêm qua việc luyện đọc các từ.

**3. Sử dụng thẻ từ tự làm**

Bên cạnh hai hình thức nêu trên thì hình thức sử dụng thẻ từ tự làm được tôi sử dụng thường xuyên khi dạy các dạng bàitập **“*Tìm trong hoặc ngoài bài đọc từ ngữ có tiếng chứa vần* *theo yêu cầu***”, dạng bài tập **“*Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu***” và dạng bài ***“Tìm và chỉ ra các từ ngữ thuộc 1 chủ đề”*** để tăng vốn từ cho học sinh. Tôi đã thiết kế các thẻ từ để học sinh viết từ và các thẻ này có gắn nam châm phía sau nên gắn được lên bảng dễ dàng. Đây là hình thức mở rộng vốn từ cho học sinh ở mức độ cao hơn hai hình thức trên. Học sinh chỉ có thể dựa vào kiến thức của mình để tìm ra từ chứ không còn có chữ cái hay tranh ảnh, video gợi ý.

Với cả 3 dạng bàitập ***“Tìm trong hoặc ngoài bài đọc từ ngữ có tiếng chứa vần theo yêu cầu”***, **“*Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu***”, ***“Tìm và chỉ ra các từ ngữ thuộc 1 chủ đề”,*** tôi yêu cầu học sinh trong thời gian 1 phút hãy suy nghĩ rồi viết ra các từ theo yêu cầu của bài tập. Với cách làm như vậy, học sinh tập trung và viết rất nhanh từ theo yêu cầu. Sau khi học sinh viết xong, tôi sẽ chọn một số thẻ cho gắn lên bảng lớp, các thẻ còn lại gắn trên bảng của tổ. Từ những từ đã tìm được, tôi tổ chức học sinh đọc, phân tích cấu tạo của 1 số từ, kết hợp giải nghĩa từ. Qua đó, học sinh đã được biết thêm được nhiều từ làm vốn từ cho bản thân. Trên cơ sở có từ, tôi yêu cầu học sinh nói câu có chứa từ theo yêu cầu. Với hình thức này tôi dành nhiều thời gian hơn cho học sinh nói câu với từ.

**Ví dụ 1:** Trong bài ***“Nếu không may bị lạc”*** (sách Tiếng Việt 1 tập 2), khi dạy phần bài tập ***Tìm trong hoặc ngoài bài tập đọc từ ngữ có tiếng chứa vần im, iêm, ep, êp***,tôi yêu cầu học sinh trong thời gian 1 phút viết vào thẻ 1 từ chứa 1 trong các vần đó. Học sinh trong thời gian 1 phút đã viết được rất nhiều từ: *lặng im, chim sáo, cái kim, tìm kiếm, chiếm chỗ, điểm mười, xinh đẹp, chép bài, cái kẹp, con tép, xếp hàng, bếp lửa,…* Sau khi học sinh viết xong, tôi chọn một số thẻ lên gắn bảng lớp, các thẻ còn lại gắn trên bảng của tổ; tiếp theo tôi yêu cầu học sinh đọc và giải nghĩa một số từ khó hoặc nói câu với các từ *“ xinh đẹp, chép bài,…”*; học sinh nói được các câu như: “*Cô giáo em rất xinh đẹp.”,* “*Mẹ em rất xinh đẹp.”, “Em nắn nót chép bài.”,…* Cuối cùng, tôi cho các em đọc toàn bộ từ mà các em đã tìm được. Qua đó, các em sẽ nhớ và dung nạp được nhiều từ mới cho bản thân.

**Ví dụ 2:** Khi dạy bài ***“Cả nhà đi chơi núi”*** thuộc chủ đề **“ Mái ấm gia đình”** (trang 30 sách Tiếng Việt 1 tập 2), ở phần bài dạy *“Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở”*

thấp khúc khuỷu hào hứng

Sau khi học sinh điền được từ *“khúc khuỷu”* vào chỗ chấm trong “Đường lên núi quanh co, (…) ”, tôi yêu cầu học sinh tìm một từ khác cũng có thể điền vào chỗ chấm rồi viết vào thẻ. Với yêu cầu này, tôi thấy không phải học sinh nào cũng tìm được đúng, chỉ có một số học sinh giỏi tìm được từ *“ngoằn ngoèo”, “uốn lượn”*. Sau đó tôi yêu cầu học sinh gắn lên bảng. Sau đó, tôi yêu cầu học sinh đọc và nói câu với hai từ đó: “Đường lên núi quanh co, uốn lượn.” “Đường lên núi quanh co, ngoằn ngoèo.”

**Ví dụ 3:** Ở bài ôn tập cuối chủ đề ***“Mái trường mến yêu”*,** khi dạy bài *“Tìm ở dưới đây những từ ngữ về trường học”:*

Sau khi học sinh đã tìm được các từ về trường học (cô giáo, sách, hiệu trưởng, thầy giáo, lớp học, bảng, vở, bút), tôi đưa ra yêu cầu: Ngoài các từ các con vừa tìm được, các con còn biết từ ngữ nào khác cũng thuộc chủ đề trường học? Hãy tìm và viết vào thẻ từ mình biết. Học sinh tìm được rất nhiều từ như *“Phó Hiệu trưởng, phòng thư viện, phòng tin học, phòng y tế, phấn, học sinh*”. Tương tự với hai ví dụ trên, tôi cho học sinh gắn từ lên bảng để luyện đọc và nói câu. Qua việc nói câu, tôi kiểm tra được là các em đã hiểu nghĩa của từ chưa. Ví dụ nói câu với từ “ *phòng y tế*” là “*Phòng y tế là nơi khám bệnh cho các bạn bị ốm*.*”,* với từ *“hiệu trưởng”* là *“Cô hiệu trưởng rất hiền.”*

Như vậy, khi mở rộng vốn từ cho học sinh lớp Một thông qua ba hình thức trên, tôi thấy cách thức mở rộng vốn từ cho các em đã đi theo mức độ tăng dần về độ khó. Các hình thức dạy học này không những giúp học sinh hứng thú mà độ tập trung của các em cũng tăng lên. Học sinh tìm được nhiều từ, hiểu nghĩa của từ và nói câu tốt. Qua đó có thể thấy khả năng ngôn ngữ của học sinh được phát triển.

**C. Kết quả đạt được**

Khi chưa thực hiện biện pháp này, học sinh chỉ biết được những tiếng, từ bó hẹp trong phạm vi sách giáo khoa cung cấp, chưa phân hóa được đối tượng học sinh, chỉ phù hợp với những học sinh tiếp thu ở mức trung bình mà chưa phát huy được khả năng ngôn ngữ cho các em.

Sau khi thực hiện biện pháp ***“Mở rộng vốn từ cho học sinh lớp Một trong các bài luyện tập tổng hợp Tiếng Việt tại trường Tiểu học Long Biên”,*** học sinh có những bước chuyển biến tích cực. Lớp tôi có 40 học sinh thì khoảng 38 bạn hứng thú, chủ động, tích cực trong các hoạt động học tập; khoảng 27 bạn có lượng vốn từ, khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ tương đối tốt, 8 bạn có lượng vốn từ, khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ ở mức khá, 5 bạn có số lượng từ ở mức trung bình, khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ được cải thiện.

Như vậy, biện pháp ***“Mở rộng vốn từ cho học sinh lớp Một trong các bài luyện tập tổng hợp Tiếng Việt tại trường Tiểu học Long Biên”*** bước đầu đã có hiệu quả và được thực tế kiểm nghiệm. Học sinh phát hiện, tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, làm giàu thêm vốn từ cho các em. Từ đó, giáo dục học sinh thêm yêu Tiếng Việt, thêm yêu quê hương, đất nước.

Mặt khác biện pháp này cũng đã được các bạn đồng nghiệp của tôi đánh giá cao và đã sử dụng thường xuyên trong các bài dạy.

**D. Kết luận**

Việc tăng vốn từ cho học sinh lớp Một trong dạy học Tiếng Việt là vô cùng cần thiết để giúp các em học tốt môn tiếng Việt và các môn khác, đồng thời giúp các em tự tin trong giao tiếp. Việc áp dụng biện pháp trên đơn giản, hợp lí, phù hợp với điều kiện học tập của học sinh lớp Một trường Tiểu học Long Biên. Chính vì sự đơn giản mà hiệu quả đó, biện pháp của tôi đã được các bạn đồng nghiệp dạy lớp Một tại trường Tiểu học Long Biên cùng áp dụng trong các bài luyện tập tổng hợp và đều mang lại hiệu quả cao. Đây chỉ là một biện pháp nhỏ nhưng rất hữu ích khi kết hợp cùng với các biện pháp khác để đổi mới PPDH, nâng cao chất lượng giảng dạy. Biện pháp này không chỉ sử dụng được trong môn Tiếng Việt lớp Một, mà còn có thể thực hiện cả khi dạy Tiếng Việt ở các lớp trên.

**Người viết**

**Đỗ Thị Hồng Liên**

**Xác nhận của nhà trường về biện pháp giáo viên đã thực hiện:**

Biện pháp ***“Mở rộng vốn từ cho học sinh lớp Một trong các bài luyện tập tổng hợp Tiếng Việt tại trường Tiểu học Long Biên”*** được áp dụng hiệu quả tại các lớp khối 1 của trường Tiểu học Long Biên.

Biện pháp này lần đầu tiên được dùng để tham gia dự thi Giáo viên giỏi cấp Thành phố năm học 2022-2023.

Biện pháp này chưa được dùng để xét thưởng các danh hiệu cá nhân của đồng chí Đỗ Thị Hồng Liên.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Long Biên, ngày tháng năm 2023*  **HIỆU TRƯỞNG**  **Đồng Thị Quyên** |